

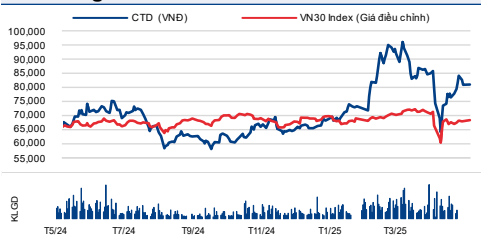
Tăng tỷ trọng

Giá mục tiêu: VNĐ100,000
Tiềm năng tăng/giảm: 23.5%

Giá cổ phiếu (đồng) (5/5/2025)	81,000
Mã Bloomberg	CTD VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	58,127-96,000
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	81,000
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	8,094
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	312
Slg CP lưu hành (tr.đv)	99.9
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	49.0
Slg CP NN được mua (tr.đv)	0
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	49.0%
Tỷ lệ freefloat	54.7%
Cổ đông lớn	KUSTOCEM (18.2%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg6	06-24A	06-25F	06-26F
DT thuần (tỷ đồng)	21,045	25,107	30,115
EBITDA đc (tỷ đồng)	175	726	862
LNTT (tỷ đồng)	386	640	867
LNT ĐC (tỷ đồng)	309	512	694
FCF (tỷ đồng)	(526)	(1,345)	595
EPS ĐC (đồng)	3,236	5,324	6,941
DPS (đồng)	0	1,037	1,556
BVPS (đồng)	85,966	90,055	95,094
T.trưởng EBITDA (%)	224	315	18.7
T.trưởng EPS ĐC (%)	1,507	64.5	30.4
Tăng trưởng DPS (%)	nm	nm	50.0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	0.83	2.89	2.86
Tỷ suất LNTT (%)	1.83	2.55	2.88
Tỷ suất LNT ĐC (%)	1.47	2.04	2.30
Tỷ lệ LN trả CT (%)	0	19.5	22.4
Nợ thuần/VCSH (%)	20.0	49.1	57.7
ROAE (%)	3.68	5.83	7.50
ROACE (%)	1.51	6.08	7.96
EV/doanh thu (lần)	0.35	0.35	0.27
EV/EBITDA ĐC (lần)	42.4	12.0	9.46
P/E ĐC (lần)	25.0	15.2	11.7
P/B (lần)	0.94	0.90	0.85
Lợi suất cổ tức (%)	0	1.28	1.92

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

CTD là một trong những công ty xây dựng hàng đầu tại Việt Nam với các dự án chính bao gồm dự án dân dụng và công nghiệp.

Chuyên viên phân tích

Đoàn Bảo Anh Tuấn

Chuyên Viên, Ngành Bất Động Sản
tuan.dba@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 172

Hồ Thị Kiều Trang, CFA

Giám đốc, Ngành Bất Động Sản
trang.htk@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 129

Q3/NĐTC 2024-2025: Dự án chưa triển khai dồi dào, nhưng lợi nhuận thuần giảm

- KQKD Q3/NĐTC 2024-2025 (năm tài chính kết thúc vào tháng 6) của CTD thấp hơn kỳ vọng của HSC. Lợi nhuận từ HĐKD cốt lõi đạt 62 tỷ đồng – giảm 54% so với cùng kỳ; KQKD 9 tháng hoàn thành 51,2% dự báo cho NĐTC 2024-2025 của chúng tôi – do tỷ suất lợi nhuận gộp trong quý đạt 3,1%, thấp hơn nhiều so với mức 4,7% của cùng kỳ năm ngoái (mặc dù tăng 0,2% so với quý trước, từ mức 2,9%).
- Lợi nhuận thuần trong quý đạt 57 tỷ đồng, thấp hơn một chút so với dự báo và giảm 46% so với cùng kỳ. Doanh thu thuần tăng 7% so với cùng kỳ đạt 5 nghìn tỷ đồng (doanh thu 9 tháng hoàn thành 66,6% dự báo cho NĐTC 2024-2025 của chúng tôi). CTD trích lập dự phòng 3,6 nghìn tỷ đồng trong quý (Q3/NĐTC 2023-2024: trích lập dự phòng 181 tỷ đồng).
- Chúng tôi đang xem xét lại khuyến nghị, giá mục tiêu và dự báo lợi nhuận.

Sự kiện: Công bố KQKD Q3/NĐTC 2024-2025

CTD vừa công bố BCTC Q3/NĐTC 2024-2025. Lưu ý, CTD đã chuyển thời điểm kết thúc năm tài chính sang ngày 30/6 từ ngày 31/12 và đã áp dụng từ tháng 6/2024. Các số liệu kinh doanh chính:

- Doanh thu:** 5.003 tỷ đồng (tăng 7,2% so với cùng kỳ nhưng giảm 27,3% so với quý trước).
- Lợi nhuận từ HĐKD cốt lõi:** 62 tỷ đồng (giảm 53,8% so với cùng kỳ và giảm 36,1% so với quý trước).
- Lợi nhuận thuần:** 57 tỷ đồng (giảm 45,5% so với cùng kỳ và giảm 46,2% so với quý trước).

KQKD trong quý thấp hơn nhiều so với dự báo của HSC, với lợi nhuận thuần từ HĐKD cốt lõi thấp hơn kỳ vọng, đa phần do tỷ suất lợi nhuận gộp đạt 3,1% (so với 4,7% trong giai đoạn trước đó) – thông tin chi tiết được trình bày ở phần bên dưới.

Các khoản mục không thường xuyên:

- Không hoàn thành mục tiêu đề ra**, với việc sau 2 quý liên tiếp không thực hiện trích lập dự phòng, CTD trích lập dự phòng 3,6 tỷ đồng cho các khoản phải thu khó đòi trong quý.
- Việc không phát sinh lợi nhuận không thường xuyên từ các khoản thu nhập khác**, bao gồm khoản lỗ 2,3 tỷ đồng, so với lợi nhuận 65 tỷ đồng trong Q1/2024 (hoặc Q3/NĐTC 2023-2024). Khoản lợi nhuận trước đó được ghi nhận là khoản lãi từ giao dịch mua hời liên quan đến việc CTD mua lại Công ty Cổ phần Kim loại Sinh Nam và UG M&E – cả hai đều chưa niêm yết.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 6/5.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q3 NĐTC 2025, CTD

Tỷ đồng	Q3/25	Q2/25	Q3/26	So với cùng kỳ	So với quý trước
Doanh thu thuần	4,666	6,886	5,003	7.2%	-27.3%
Lợi nhuận gộp	221	202	156	-29.3%	-22.6%
Lãi HĐ tài chính	30	23	11	-63.3%	-51.9%
Chi phí quản lý	(181)	(106)	(102)	-99.9%	-99.9%
Lợi nhuận HĐ	70	118	65	-6.9%	-44.3%
LNTT	136	135	63	-53.6%	-53.2%
Lợi nhuận thuần	105	106	57	-45.5%	-46.2%
Lợi nhuận 'cốt lõi'	128	92	62	-53.8%	-36.1%

Nguồn: CTD, HSC

Nhìn chung, KQKD 9 tháng đầu của NĐTC 2024-2025 hoàn thành lần lượt 66,6% và 51,2% dự báo doanh thu thuần và lợi nhuận thuần cho cả năm của chúng tôi, trong khi đạt 66,6% và 64,1% KHKD của BLĐ Công ty đề ra.

Các nội dung chính

Số lượng dự án chưa triển khai lớn: Công ty tiếp tục bổ sung thêm dự án mới vào danh mục dự án chưa triển khai, với giá trị hợp đồng mới cao hơn doanh thu được ghi nhận trong quý, trong đó 69% dự án thuộc khách hàng cũ (repeat sales). Tính đến ngày 31/3/2025, tổng giá trị dự án chưa triển khai của CTD vẫn còn cao, ở mức 37 nghìn tỷ đồng (so với 35 nghìn tỷ đồng trong 2 quý trước đó). Các dự án lớn mà Công ty trúng thầu bao gồm sân bay Gia Bình, The 9 Stellars và Eco Retreat Long An.

Tỷ suất lợi nhuận gộp giảm: Tỷ suất lợi nhuận gộp Q3/NĐTC 2024-2025 đạt 3,1%, tăng nhẹ từ mức 2,9% trong quý trước đó nhưng giảm mạnh so với mức 4,7% của cùng kỳ năm ngoái. BLĐ cho rằng sự sụt giảm này là do (1) giá nguyên vật liệu tăng, chẳng hạn như cát và đá, và (2) các dự án nhà ở và đầu tư công (vốn thường có biên lợi nhuận thấp hơn so với dự án FDI) trong danh mục dự án đang triển khai của CTD chiếm tỷ trọng dần tăng cao.

Các khoản phải thu khó đòi dự kiến giảm mạnh: Số dư các khoản phải thu khó đòi của CTD tiếp tục giảm xuống 1.937 tỷ đồng, cho thấy Công ty đã phân loại lại khoảng 135 tỷ đồng các khoản phải thu khó đòi trong Q1/2025 hoặc 305 tỷ đồng trong 9 tháng đầu NĐTC 2024-2025.

Do hầu hết các khoản nợ khó đòi này chưa được trích lập dự phòng, việc phân loại lại làm các khoản phải thu tăng lên 13,1 nghìn tỷ đồng (tăng 7% so với cùng kỳ), trong khi hoàn nhập dự phòng thực tế được ghi nhận ở mức 8,3 tỷ đồng trong 9 tháng đầu NĐTC 2024-2025. Hoàn nhập dự phòng đối với dự án One Central Saigon (đối diện chợ Bến Thành, TP.HCM; trước đó do Saigon Glory sở hữu; đã được trích lập dự phòng toàn bộ với 142 tỷ đồng).

Xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu

Sau khi giá cổ phiếu tăng 9% trong 1 tháng qua, trong bối cảnh thị trường biến động liên quan đến mức thuế quan cao, CTD đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 15,1 lần, thấp hơn bình quân từ năm 2022 ở mức 20,4 lần.

Chúng tôi đang xem xét lại khuyến nghị, giá mục tiêu và dự báo lợi nhuận đối với CTD, dựa trên những gì chúng tôi tiếp tục nhận thấy là triển vọng ngành được cải thiện nhờ các hợp đồng mới được ký khi cơ sở hạ tầng công cộng và các khu dân cư đang mở rộng mạnh mẽ. HSC tin rằng CTD đang có vị thế tốt để hưởng lợi lớn từ các xu hướng này nhờ có thành tích đã được chứng minh, số lượng dự án đang triển khai lớn và vị thế tiền mặt vững chắc.

Tuy nhiên, (1) giá vật liệu tăng và (2) sự cạnh tranh gay gắt hơn trong lĩnh vực vốn đang phục hồi khá chậm có thể dẫn đến xu hướng cạnh tranh về giá leo thang, tạo áp lực lên tỷ suất lợi nhuận vốn đã rất thấp. Trên thực tế, điều này có thể củng cố thị trường hơn nữa mặc dù có thể làm chậm quá trình phục hồi chung của toàn ngành.

Bảng 2: KQKD 9 tháng đầu năm NĐTC 2025, CTD

Tỷ đồng	9T/2024	9T/2025	So với cùng kỳ	% dự báo 2025 của HSC
Doanh thu thuần	14,450	16,647	15.2%	66.6%
Lợi nhuận gộp	490	563	14.9%	
Lãi HD tài chính	136	66	-51.3%	
Chi phí quản lý	(386)	(224)	-41.9%	
Lợi nhuận HD	240	302	26.0%	
LNTT	312	315	1.0%	
Lợi nhuận thuần	241	256	6.5%	51.2%
Lợi nhuận 'cốt lõi'	328	249	-24.9%	

Nguồn: CTD, HSC

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	06-22A	06-24A	06-25F	06-26F	06-27F
Doanh thu	14,537	21,045	25,107	30,115	35,006
Lợi nhuận gộp	487	713	991	1,222	1,501
Chi phí BH&QL	(735)	(581)	(453)	(481)	(562)
Thu nhập khác	0	0	0	0	0
Chi phí khác	0	0	0	0	0
EBIT	(248)	132	538	741	939
Lãi vay thuần	218	175	17.9	41.5	67.1
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	(23.8)	(0.01)	0	0	0
Lợi nhuận khác	0	0	0	0	0
LN không thường xuyên	88.4	79.5	84.7	84.7	84.7
LNTT	34.8	386	640	867	1,091
Chi phí thuế TNDN	(14.0)	(77.0)	(128)	(173)	(218)
Lợi ích cổ đông thiểu số	0.08	0.02	0	0	0
LNST không thường xuyên	0	0	0	0	0
Lợi nhuận thuần	20.9	309	512	694	873
Lợi nhuận thuần ĐC	20.9	309	512	694	873
EBITDA ĐC	(142)	175	726	862	1,056
EPS (đồng)	201	3,236	5,324	6,941	8,735
EPS ĐC (đồng)	201	3,236	5,324	6,941	8,735
DPS (đồng)	0	0	1,037	1,556	1,556
Slg CP bình quân (triệu đv)	104	95.5	96.2	99.9	99.9
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	98.7	99.9	99.9	99.9	99.9
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	98.7	99.9	99.9	99.9	99.9
Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	06-22A	06-24A	06-25F	06-26F	06-27F
Tiền & tương đương tiền	1,064	2,210	888	1,478	2,500
Đầu tư ngắn hạn	1,778	1,868	1,868	1,868	1,868
Phải thu khách hàng	11,235	12,024	14,824	17,563	19,627
Hàng tồn kho	2,838	3,126	5,214	5,865	6,354
Các tài sản ngắn hạn khác	549	1,228	1,350	1,485	1,632
Tổng tài sản ngắn hạn	17,465	20,456	24,144	28,258	31,980
TSCĐ hữu hình	560	456	331	283	187
TSCĐ vô hình	-	-	-	-	-
Bất động sản đầu tư	37.6	331	303	290	277
Đầu tư dài hạn	302	307	307	307	307
Đầu tư vào Cty LD,LK	9.42	2.46	2.46	2.46	2.46
Tài sản dài hạn khác	593	1,317	1,648	1,648	1,648
Tổng tài sản dài hạn	1,502	2,413	2,592	2,531	2,422
Tổng cộng tài sản	18,967	22,869	26,736	30,789	34,402
Nợ ngắn hạn	553	1,519	1,519	1,519	1,519
Phải trả người bán	5,189	6,161	7,598	8,707	9,639
Nợ ngắn hạn khác	2,356	4,071	4,714	5,500	6,277
Tổng nợ ngắn hạn	10,227	14,223	17,682	21,232	24,171
Nợ dài hạn	524	21.1	21.1	21.1	21.1
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	0	29.5	29.5	29.5	29.5
Nợ dài hạn khác	2.41	3.57	3.57	3.57	3.57
Tổng nợ dài hạn	527	54.2	54.2	54.2	54.2
Tổng nợ phải trả	10,753	14,278	17,736	21,286	24,225
Vốn chủ sở hữu	8,213	8,591	8,999	9,503	10,177
Lợi ích cổ đông thiểu số	0.54	0.53	0.53	0.53	0.53
Tổng vốn chủ sở hữu	8,214	8,591	9,000	9,503	10,177
Tổng nợ phải trả và VCSH	18,967	22,869	26,736	30,789	34,402
BVPS (đ)	83,246	85,966	90,055	95,094	101,836
Nợ thuần/(tiền mặt)	12.7	(670)	652	62.8	(959)

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	06-22A	06-24A	06-25F	06-26F	06-27F
EBIT	(248)	132	538	741	939
Khấu hao	(106)	(43.5)	(189)	(122)	(116)
Lãi vay thuần	218	175	17.9	41.5	67.1
Thuế TNDN đã nộp	(55.8)	(80.1)	(128)	(173)	(218)
Thay đổi vốn lưu động	(1,919)	(397)	(1,849)	58.9	293
Khác	559	398	(34.3)	(68.4)	(98.3)
LCT thuần từ HKKD	(1,626)	24.3	(1,309)	656	1,009
Đầu tư TS dài hạn	(195)	(551)	(35.9)	(61.1)	(6.91)
Góp vốn & đầu tư	(525)	(264)	0	0	0
Thanh lý	1.96	23.9	0	0	0
Khác	1,451	1,031	126	150	176
LCT thuần từ HĐĐT	733	240	90.5	88.9	169
Cổ tức trả cho CSH	0	0	(104)	(155)	(155)
Thu từ phát hành CP	0	7.13	0	0	0
Tăng/giảm nợ	1,072	56.9	0	0	0
Khác	0	(0.91)	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	1,072	63.1	(104)	(155)	(155)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	885	1,883	2,210	888	1,478
LCT thuần trong kỳ	180	328	(1,322)	589	1,022
Ảnh hưởng của tỷ giá	(0.01)	0.06	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	1,064	2,210	888	1,478	2,500
Dòng tiền tự do	(1,821)	(526)	(1,345)	595	1,002
Các chỉ số tài chính	06-22A	06-24A	06-25F	06-26F	06-27F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	3.35	3.39	3.95	4.06	4.29
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	(0.98)	0.83	2.89	2.86	3.02
Tỷ suất LNT (%)	0.14	1.47	2.04	2.30	2.49
Thuế TNDN hiện hành (%)	40.3	19.9	20.0	20.0	20.0
Tăng trưởng doanh thu (%)	60.1	44.8	19.3	19.9	16.2
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	(3.77)	224	315	18.7	22.4
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	(13.1)	1,381	65.7	35.4	25.8
Tăng trưởng EPS (%)	(12.6)	1,507	64.5	30.4	25.8
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	(12.6)	1,507	64.5	30.4	25.8
Tăng trưởng DPS (%)	(100)	nm	nm	50.0	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	0	19.5	22.4	17.8
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	0.25	3.68	5.83	7.50	8.87
ROACE (%)	(2.92)	1.51	6.08	7.96	9.49
Vòng quay tài sản (lần)	0.88	1.01	1.01	1.05	1.07
Tiềm mặt HD/EBIT (lần)	6.56	0.18	(2.43)	0.88	1.07
Số ngày tồn kho	73.7	56.1	78.9	74.1	69.2
Số ngày phải thu	292	216	224	222	214
Số ngày phải trả	135	111	115	110	105
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	26.0	20.0	49.1	57.7	55.9
Nợ/tài sản (%)	16.9	17.2	19.8	22.6	23.8
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	N/a	N/a	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	(22.6)	22.4	7.30	8.07	7.76
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.71	1.44	1.37	1.33	1.32
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	0.55	0.35	0.35	0.27	0.20
EV/EBITDA ĐC (lần)	(56.5)	42.4	12.0	9.46	6.76
P/E (lần)	402	25.0	15.2	11.7	9.27
P/E ĐC (lần)	402	25.0	15.2	11.7	9.27
P/B (lần)	0.97	0.94	0.90	0.85	0.80
Lợi suất cổ tức (%)	0	0	1.28	1.92	1.92

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn